

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **21/2022/HS-ST**

Ngày 07-09-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Võ Thị Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài My- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị H, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2002 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Cadong; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định được và bà Nguyễn Thị Hoa; chồng: Bùi Văn L và 01 con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*C đi khỏi nơi cư trú*”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bùi Văn L, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2000 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Diện và bà Nguyễn Thị Huân; vợ: Nguyễn Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*C đi khỏi nơi cư trú*”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: anh Trần Quốc C, sinh năm 2002. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Phan Minh N, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Trú quán: N Lê Lợi, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị H bỏ nhà đi và quan hệ yêu đương với bị cáo Bùi Văn L (sống chung như vợ chồng tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam). Đến ngày 27/5/2021, giữa bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Bùi Văn L xảy ra mâu thuẫn về việc bị cáo H cầm chiếc xe mô tô của bị cáo L, đến hạn mà không có tiền chuộc xe. Bị cáo L yêu cầu bị cáo H phải kiếm tiền để chuộc xe, bị cáo L nói: *“Giờ tiền đâu lấy xe anh, mai xe anh hết hạn rồi, coi giúp anh kiếm tiền lấy xe với, không thì mất chiếc xe đó thì chết với má”*. Bị cáo H trả lời: *“Giờ em bầu bì, không đi làm thì kiếm tiền đâu ra”*. Bị cáo L quát: *“Giờ mi kiếm tiền lấy xe ra cho ta, ta còn đi làm”*. Bị cáo H nói lại *“Giờ kiếm ở đâu ra”*. Bị cáo L quát tiếp: *“Ta không biết, mi về quê kiếm tiền rồi lấy xe cho ta, mi làm chi làm ta không biết”*. Sau khi suy nghĩ, tại phòng trọ bị cáo H đã nói với bị cáo L cách kiếm tiền với 02 phương án: thứ nhất: Bị cáo H về quê (Trà My) mượn tiền gia đình hoặc người thân; thứ hai: bị cáo H mượn xe máy ai đó để xuống thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam cầm lấy tiền chuộc chiếc xe của bị cáo L ra. Khi bị cáo L chở bị cáo H ra đón xe buýt về Bắc Trà My, tại điểm chờ xe buýt, bị cáo H nói phương án thứ 03: Nếu không mượn được tiền, không mượn được xe thì bị cáo H kiếm xe để đưa xuống Tam Kỳ cầm lấy tiền chuộc xe của bị cáo L. Bị cáo Bùi Văn L đồng ý với 03 phương án mà H đã đưa ra.

Bị cáo H bắt xe buýt về Trà My, trên xe bị cáo H điện thoại cho anh C (là bạn của bị cáo H), nhờ C xuống thị trấn Trà My chở bị cáo H đi chơi. Mục đích của bị cáo H là rủ C đi ăn hoặc uống cà phê thì mượn xe và chiếm đoạt luôn chiếc xe. Thực hiện kế hoạch, bị cáo H đã liên hệ với anh C, nhờ anh C chở đi chơi, sau đó lấy lý do khát nước, đói bụng để mượn xe anh C đi mua nước, mua thức ăn. Khi anh C giao xe cho bị cáo H thì bị cáo H chạy thẳng xuống Tam Kỳ. Đến Tam Kỳ, bị cáo H điện thoại cho bị cáo L ra lấy xe để chở bị cáo H về. Bị cáo H kể cho bị cáo L nghe quá trình bị cáo H lấy xe của anh C. Sau khi nghe chuyện, bị cáo L có sợ hãi nhưng vẫn lấy xe của bị cáo H lừa đảo của anh C để đi cầm cố 10.000.000 đồng (*mười triệu*) đồng. Bị cáo L đưa cho bị cáo H 3.500.000 đồng (*ba triệu, năm trăm ngàn*) để bị cáo H đi chuộc xe, còn lại bị cáo L và bị cáo H tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 6 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen; số máy: E32VE008132; Số khung: RLCUE3740KY004432; Biển số: 92V1-107.44 có giá trị tại thời điểm mất ngày 27/5/2021 là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu*) đồng.

Tại cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 04 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174; bị cáo Bùi Văn L về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Chiếc xe đã trả cho chủ sở hữu, bà H không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận: để có tiền chuộc xe và tiêu xài cá nhân, ngày 27/5/2021 bị cáo H đã lừa anh C để lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ đen; Biển số: 92V1-107.44, số máy: E32VE008132; Số khung: RLCUE3740KY004432.

Cụ thể, năm 2020 bị cáo H và bị cáo L có quan hệ yêu đương nên đã về sống chung như vợ chồng tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (đến nay 02 bị cáo đã đăng ký kết hôn và đã có con chung). Do dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, hai bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên bị cáo H đã cầm chiếc xe mô tô của bị cáo L để lấy tiền lo chi phí sinh hoạt hàng ngày. Ngày 27/5/2021, bị cáo H và bị cáo Bùi Văn L cãi nhau về việc đến hạn lấy xe đã cầm trước đó nhưng không có tiền để chuộc xe ra. Bị cáo L đề nghị bị cáo H bằng mọi giá phải lấy xe ra. Bị cáo H suy nghĩ và tìm ra các phương án: Mượn tiền người thân để chuộc xe ra, mượn xe ai đó để cầm lấy tiền chuộc xe ra hoặc nếu không mượn được tiền, không mượn được xe thì kiếm xe nào đó xuống Tam Kỳ để cầm, chuộc xe bị cáo L ra. Bị cáo L thống nhất với các phương án này của bị cáo H.

Bị cáo H bắt xe buýt về lại thị trấn Trà My và điện thoại cho anh C để rủ anh C đi uống nước nhưng mục đích là lừa lấy xe anh C. Sau khi gặp anh C, bị cáo H rủ anh C đi chơi, đi lên Trà Sơn (gần cầu sắt nối Trà Sơn với thị trấn Trà My), bị cáo H và anh C ngồi nói chuyện, nói chuyện được một lúc thì bị cáo H giả vờ

mượn xe anh C để đi mua thức ăn, nước uống. Anh C đưa xe cho bị cáo H đi mua thì bị cáo H chạy thẳng xe xuống Tam Kỳ đưa cho bị cáo Bùi Văn L đi cầm. Bị cáo L cầm được 10.000.000 đồng (*mười triệu*) đồng, bị cáo L đưa cho bị cáo H 3.500.000 (*ba triệu, năm trăm ngàn*) đồng để chuộc xe, số còn lại các bị cáo tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn L khai: Bị cáo Bùi Văn L không biết việc bị cáo H lừa đảo của anh C và không hứa hẹn sẽ cầm cổ xe cho bị cáo H. Khi bị cáo H lấy xe anh C chạy xuống Tam Kỳ thì bị cáo L mới biết.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định xe mô tô trên có giá trị tại thời điểm mất ngày 27/5/2021 là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu*) đồng.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử sơ thẩm có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự; bị cáo Bùi Văn L đã phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Như vậy, bản cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 04 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Thị H là người đủ năng lực hành vi để nhận thức được tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, không ai được xâm phạm trái pháp luật. Nhận thức rõ điều này nhưng để có tiền chuộc xe và tiêu xài cá nhân, bị cáo H đã lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh C có trị giá 13.000.000 (*mười ba triệu*) đồng. Hành vi của bị cáo H gây ra rất nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu trong xã hội. Do đó cần xử bị cáo mức án nghiêm minh để giáo dục chung, phòng ngừa riêng.

Bị cáo Bùi Văn L nhận thức được việc tiêu thụ tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng để có tiền chuộc xe và để lấy tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã bất chấp quy định, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo gây ra nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục đối với bị cáo.

[3] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, hối hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục xong hậu quả cho bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Nguyễn Thị H tại thời điểm phạm tội bị cáo đang có bầu; bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Thị H ngoài được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trên, còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên hành vi của bị cáo gây ra rất nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải xử bị cáo

mức án nghiêm minh, cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tính giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Bị cáo Bùi Văn L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi của bị cáo gây ra ít nguy hiểm cho xã hội hơn bị cáo Nguyễn Thị H nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình cũng đủ giáo dục răn đe đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: Các bên đã tự thoả thuận giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô đã trả cho chủ sở hữu, chị H không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H: **09 (chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L: **06 (sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/9/2022).

Giao bị cáo Bùi Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

buộc bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Bùi Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm (02 bị cáo là 400.000 đồng (bốn trăm ngàn) đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Bùi Văn L)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bắc Trà My;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại